

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp,

di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 351/TTr-SNNPTNT ngày 08 tháng 12 năm 2022; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2056 /BC-STP ngày 09 tháng 9 năm 2022 và văn bản số 3031/STP-VBTT ngày 14/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 04 năm 2023
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ NN và PTNT);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CNTT và TT (Sở TT và TT);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huyền



QUY ĐỊNH

Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số: 79 /2022/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai được quy định tại Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc quy định chung

1. Tuân thủ các nguyên tắc, quy định chung về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác theo quy định tại Điều 4, 5 và 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác (sau đây viết tắt là Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT).

2. Tuân thủ các nguyên tắc về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020; các Nghị định thực thi Luật và các văn bản hướng dẫn do các Bộ, ngành có liên quan quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

3. Thực hiện các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến nội dung đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng trên địa bàn tỉnh phải được rà soát, xây dựng và ban hành nội quy, quy chế hoạt động, phương án, kế hoạch phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra và tạo thuận lợi cho công tác khắc phục hậu quả thiên tai và cứu hộ, cứu nạn.

5. Tuân thủ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác

1. Thực hiện các quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn trong khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên khác.

3. Xây dựng các phương án giằng néo kèo cột, che chắn và chống tốc mái cho nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở cho công nhân nội trú (nếu có), kho tàng, đặc biệt là các kho chứa thành phẩm, bán thành phẩm; khơi thông cống rãnh thoát nước nội bộ tránh xảy ra ngập cục bộ; duy trì sự làm việc bình thường của các máy phát điện dự phòng để chủ động cung cấp điện trong các tình huống bất khả kháng do thiên tai gây ra.

4. Kiểm tra các điều kiện khai thác, đảm bảo an toàn theo đúng thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt. Kiểm tra, rà soát hiện trạng mức độ an toàn tại các khu vực khai thác, bãi thải, hồ lắng, hồ chứa chất thải (kể cả khi các khu vực này đã dừng hoạt động); thực hiện các giải pháp để đưa về trạng thái an toàn theo quy định; đánh giá mức độ an toàn của đê, đập, bờ bao hồ chứa bùn thải, hồ

lắng, bãi thải, bờ moong; rà soát, bổ sung hồ sơ thiết kế, khả năng chịu tải của đê, đập, bờ bao (có tính đến sự tác động của mưa bão, dòng chảy); xử lý khắc phục ngay các hiện tượng trượt, lún, nứt, thấm, sạt lở đê, đập, bờ bao, bờ moong.

5. Khai thác theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế mỏ, ranh giới, diện tích, độ sâu cho phép; có biện pháp giảm độ sâu phần đáy moong, thoát nước không để tạo thành hồ chứa nước nhằm đảm bảo an toàn.

6. Rào, chắn xung quanh khu vực đã tác động khai thác, phía trên các vách moong hiện hữu (đặc biệt là khu vực đã tạo thành hồ chứa nước), cấm biển báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra không để người dân, gia súc vào khu vực mỏ (đặc biệt nghiêm cấm việc tắm, bơi lội tại hồ chứa nước, đi lại trên vách, bờ moong). Thường xuyên kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan, trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, sạt, trượt, lở đất, đá, cát, sỏi lòng sông phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

7. Phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, chủ động về lực lượng, phương tiện để sẵn sàng tham gia ứng phó kịp thời các tình huống thiên tai có thể xảy ra (nhất là vào mùa mưa bão). Bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố mất an toàn gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và tài sản.

Điều 5. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn

1. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu đô thị trong phạm vi quản lý có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống đảm bảo an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

c) Kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

d) Xây dựng phương án đảm bảo tiêu thoát nước đô thị, chống ngập úng; thường xuyên rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm đảm bảo việc chống ngập úng khi có mưa, lũ.

đ) Kiểm tra kế hoạch duy tu, bảo trì và nạo vét hệ thống tiêu thoát nước chính tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ khi có mưa, bão và có các giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn.

e) Kiểm soát quy trình cắt tỉa cây xanh đô thị bảo đảm an toàn cho người dân trong mùa mưa bão; bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị ngập úng.

2. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng điểm du lịch, khu du lịch trong phạm vi quản lý có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến thời tiết để có hướng dẫn cần thiết, đảm bảo biện pháp an toàn cho người lao động cũng như khách du lịch vào tham quan, đồng thời chủ động thực hiện việc ngừng phục vụ khách du lịch trong thời gian xảy ra mưa to, bão lũ.

c) Kiểm tra, rà soát thực trạng toàn bộ cơ sở vật chất, có biện pháp gia cố, chằng chống, chủ động bố trí nhân lực, phương tiện, chuẩn bị trang thiết bị và nhu yếu phẩm cần thiết để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho khách du lịch.

d) Đối với các điểm du lịch, khu du lịch tại các vùng thấp trũng, gần biển, ven sông, ven suối phải chuẩn bị sẵn sàng phương án sơ tán, di dời, đảm bảo an toàn cho khách du lịch và tài sản trước khi có gió mạnh, nước dâng hoặc ngập lụt.

3. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu công nghiệp trong phạm vi quản lý có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình.

c) Lập phương án và kế hoạch cụ thể công tác phòng, chống thiên tai của đơn vị mình, kiểm tra rà soát mức độ an toàn chịu lực, ổn định hiện trạng của công trình.

d) Tiến hành các biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn (*đặc biệt hệ thống mái tôn, vách tôn, trần nhựa, cửa kính, thiết bị máy móc*).

đ) Tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không đảm bảo an toàn khi có mưa bão.

e) Lập phương án và chủ động sửa chữa, gia cố kịp thời trụ sở, nhà xưởng, kho tàng, nhà ở không đảm bảo an toàn sau mưa bão nhằm sớm ổn định sản xuất và đời sống cán bộ công nhân viên trong đơn vị.

4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng điểm dân cư nông thôn trong phạm vi quản lý có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống đảm bảo an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

c) Kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

d) Thực hiện việc đánh giá, cảnh báo cho người dân đang sinh sống và làm việc trong các công trình xây dựng tại các khu vực có nguy cơ sạt lở đất như bờ sông, bờ suối, lũ ống, lũ quét.

đ) Bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị úng ngập.

e) Thực hiện việc nạo vét kênh mương, cửa lấy nước, đào ao trữ nước, lắp đặt và vận hành các trạm bơm dã chiến; chuẩn bị, bố trí phương tiện vận chuyển nước sạch để kịp thời cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trong các điểm dân cư nông thôn tại các vùng thiếu nước nghiêm trọng khi hạn hán xảy ra.

Điều 6. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình phòng, chống thiên tai thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác

1. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng, chống thiên tai thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo các quy định tại Chương III Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT và các quy định về phòng chống thiên tai chuyên ngành, các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật và một số nội dung cụ thể như sau:

a) Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với hệ thống giao thông đường bộ địa phương (*Đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị*).

Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ và Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

b) Xây dựng phương án bảo đảm an toàn đối với công trình đang thi công xây dựng; lập và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác bảo đảm an toàn đối với các công trình gây ảnh hưởng đến dòng chảy (*công trình ven sông, suối ngăn dòng như: ngầm tràn, cầu giao thông, thủy điện và các công trình khác có liên quan*), với cần trục tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa lũ.

c) Thực hiện việc rà soát, đo đạc, quan trắc, theo dõi, đánh giá, giám sát an toàn công trình, khu vực chịu tác động khi vận hành công trình, chú trọng các khu vực trọng điểm xung yếu của công trình, hạng mục công trình, khu vực có nguy cơ cao gia tăng rủi ro thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình để có biện pháp sửa chữa. Thường xuyên cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình theo quy định.

d) Thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình theo quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

đ) Kiểm tra các biện pháp bảo đảm an toàn cho các công trình, đặc biệt đối với các công trình đặt tại các vị trí xung yếu như: Ven sông, khu vực thường xuyên chịu tác động của mưa, lũ, khu vực có nguy cơ sạt lở đất, khu vực đông dân cư. Đánh giá thường xuyên, định kỳ về hiện trạng an toàn công trình, hạng mục công trình; khi có cảnh báo thiên tai phải kiểm tra, đánh giá hiện trạng an toàn công trình; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, ứng phó, đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn công trình, hạng mục công trình trước, trong và sau thiên tai (nếu có).

e) Xử lý, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn công trình, hạng mục công trình hoặc làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai. Trường hợp xảy ra sự cố và các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình, hạng mục công trình vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý hoặc cơ quan quản lý cấp trên để được hỗ trợ.

g) Tổ chức xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm phương án ứng phó thiên tai theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và các quy định khác có liên quan. Xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành công trình (đối với công trình phải xây dựng quy trình vận hành). Khi vận hành công trình phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan và chính quyền nơi chịu tác động của quá trình vận hành, nhất là trong tình huống thiên tai đang diễn ra tại khu vực công trình và vùng bị tác động của quá trình vận hành.

Chương III

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành theo thẩm quyền; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thực hiện nội dung bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai công trình thuộc phạm vi quản lý.

2. Tổ chức tập huấn, thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý và thực hiện bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh.

4. Tham mưu về kỹ thuật đối với việc xử lý sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố, tình huống làm gia tăng rủi ro thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng và khu vực lân cận thuộc phạm vi quản lý.

5. Tổng hợp, xây dựng kế hoạch để đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; kế hoạch đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

6. Tổ chức xây dựng, phê duyệt, phương án ứng phó thiên tai; phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành, khai thác công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

7. Báo cáo cấp có thẩm quyền hỗ trợ việc sửa chữa, xử lý sự cố, các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình và ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai khi có yêu cầu.

8. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình và các hành vi vi phạm về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

9. Rà soát, xác định các khu vực trọng điểm, xung yếu về phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu (nếu có) đối với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các khu vực trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đối với công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

10. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá giá hiện trạng công trình và mức độ bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai công trình thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng, mức độ an toàn phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng theo thẩm quyền quy định; tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Căn cứ chức năng nhiệm vụ, phạm vi quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách, các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai tại

Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Quy định này. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình do thiên tai gây ra thuộc phạm vi quản lý.

2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp, tổ chức, cá nhân liên quan để tổ chức thực hiện đúng theo Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

3. Tuyên truyền, phổ biến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn và công trình thuộc phạm vi quản lý.

4. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân sử dụng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

5. Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai đối với công trình thuộc phạm vi quản lý.

6. Tổng hợp, xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình thuộc phạm vi quản lý thực hiện nội dung đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai theo quy định.

7. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị. Rà soát, đánh giá, tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 31 tháng 7) hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đối với công trình phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện Quy định này.

2. Tổ chức thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình trên địa bàn.

3. Phân công trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành trong việc quản lý nhà nước về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình do địa phương quản lý.

4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình trên địa bàn.

5. Rà soát, đánh giá, tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 31 tháng 7) hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) các trọng điểm xung yếu và

phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đối với công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

6. Thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm liên quan đến công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình trên địa bàn.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác

1. Tuân thủ và tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quy định này.

2. Khi phát hiện các hoạt động, hành vi và sự cố công trình có thể ảnh hưởng đến an toàn công trình và hoạt động phòng, chống thiên tai, phải kịp thời thông tin, báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý, khắc phục; đồng thời triển khai các biện pháp lập rào chắn, cấm biên báo khu vực thiên tai nguy hiểm, cử người thường xuyên theo dõi diễn biến và triển khai biện pháp đảm bảo an toàn theo quy định.

3. Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình hoặc hạng mục công trình theo quy định, gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý trước ngày 20 tháng 7 hàng năm.

4. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

5. Thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý chuyên ngành kết quả thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc hoặc phát sinh, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.